

Số: /BC- STP

Lâm, Đồng, ngày tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa Thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Tư pháp

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ RÀ SOÁT TTHC NỘI BỘ

1. Số lượng TTHC đã rà soát/tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết: 24/25

2. Kết quả rà soát:

- Số lượng TTHC đề nghị bãi bỏ/tổng số TTHC đã rà soát: 09/24
- Số lượng TTHC đề nghị sửa đổi, bổ sung/tổng số TTHC đã rà soát: 05/24
- Số lượng văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung để thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hóa: 06 văn bản

+ Sửa đổi Khoản 2 Điều 20 Luật Công chứng năm 2014 “*Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập Phòng công chứng, Sở Tư pháp phải đăng báo trung ương hoặc báo địa phương nơi có trụ sở của Phòng công chứng trong ba số liên tiếp về các nội dung sau đây...*” bằng “*Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập Phòng công chứng, Sở Tư pháp phải đăng báo trung ương hoặc báo địa phương nơi có trụ sở của Phòng công chứng trong ba số liên tiếp về các nội dung sau đây...*”.

+ Sửa đổi Khoản 2 Điều 21 Luật Công chứng năm 2014 “*...Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải thể Phòng công chứng, Sở Tư pháp phải đăng báo trung ương hoặc báo địa phương nơi có trụ sở của Phòng công chứng trong ba số liên tiếp về việc giải thể Phòng công chứng...*” bằng “*...Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải thể Phòng công chứng, Sở Tư pháp phải đăng báo trung ương hoặc báo địa phương nơi có trụ sở của Phòng công chứng trong ba số liên tiếp về việc giải thể Phòng công chứng...*”.

+ Bổ điểm d, đ, e khoản 1 Điều 4 Thông tư số 09/2024/TT-BTP ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Trợ giúp viên pháp lý:

“...d) Bản sao quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;

đ) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu:

Trường hợp xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý hạng I thực hiện theo quy định tại Điều 4 và điểm e khoản 2 Điều 5 Thông tư số 05/2022/TT-BTP;

e) Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có)”

+ Điều chỉnh điểm b, c, d khoản 3 Điều 8 Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLTBTP-BNV ngày 11/2/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp.

“b) Sở Tư pháp tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị xếp hạng của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Phòng Công chứng, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, gửi Sở Nội vụ để thẩm định. Trong thời hạn **7 (bảy)** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ phải hoàn thành việc thẩm định xếp hạng đơn vị sự nghiệp và chuyển cho Sở Tư pháp.

c) Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xếp hạng và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

d) Trong thời hạn **7 (bảy)** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định xếp hạng Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản trực thuộc Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm; Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định xếp hạng Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Phòng Công chứng, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp”.

Bằng

“b) Sở Tư pháp tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị xếp hạng của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Phòng Công chứng, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, gửi Sở Nội vụ để thẩm định. Trong thời hạn **6 (sáu)** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ phải hoàn thành việc thẩm định xếp hạng đơn vị sự nghiệp và chuyển cho Sở Tư pháp.

c) Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xếp hạng và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

d) Trong thời hạn **6 (sáu)** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định xếp hạng Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản

trực thuộc Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm; Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định xếp hạng Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Phòng Công chứng, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp”

+ Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 “c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật của cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận cấp huyện”;

+ Bãi bỏ Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật “3. Báo cáo viên pháp luật của cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là báo cáo viên pháp luật huyện) thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương nơi công nhận báo cáo viên pháp luật”.

+ Sửa đổi Khoản Điều 4 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật: “Báo cáo viên pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, Thủ trưởng Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật gửi đến Bộ Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật Trung ương), Sở Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật tỉnh), **Phòng Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật huyện)** và thông báo cho báo cáo viên pháp luật biết lý do” bằng “Báo cáo viên pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, Thủ trưởng Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật gửi đến Bộ Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật Trung ương), Sở Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật tỉnh) và thông báo cho báo cáo viên pháp luật biết lý do”.

(Phương án cắt giảm, đơn giản hóa tại Phụ lục I kèm theo)

- Số lượng TTHC đề nghị giữ nguyên/ tổng số TTHC đã rà soát: 10/24

(Danh mục TTHC đề nghị giữ nguyên tại Phụ lục II kèm theo).

II. TỶ LỆ CẮT GIẢM, ĐGH TTHC VÀ CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC NỘI BỘ

1. Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa TTHC/tổng số TTHC đã rà soát: Số lượng TTHC đề nghị bãi bỏ, sửa đổi bổ sung/tổng số TTHC đã rà soát; đơn vị tính: 58,3% (14/24).

2. Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa TTHC/tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết: 58,3% (14/24).

Số lượng TTHC đề nghị bãi bỏ, sửa đổi bổ sung/tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết; đơn vị tính: 58,3% (14/24).

3. Tỷ lệ cắt giảm chi phí thực hiện TTHC/tổng số TTHC đã rà soát; đơn vị tính: 58,3% (14/24).

4. Tỷ lệ cắt giảm chi phí thực hiện TTHC/tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết (ước tính); đơn vị tính: 56,54%.

(Bản tổng hợp kết quả cắt giảm chi phí thực hiện TTHC nội bộ tại Phụ lục III kèm theo)

Sở Tư pháp kính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Trung tâm PVHCC;
- Ban Giám đốc;
- Các phòng, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở;
- Lưu: VT, TH&PBGDPL.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Tuyến